

Bản án số: 15/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 09 - 9- 2025

V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - VĨNH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thắng

2. Ông Nguyễn Văn Hiệp

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Hồng Nhung là Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Vĩnh Long.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhanh là Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2025, tại Tòa án nhân dân khu vực 11 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 17/2025/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 7 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2025/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Vĩnh Long, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Văn Ph, sinh năm 1967; (có mặt)

Nơi thường trú: Khu vực 2, phường An Kh, thành phố Cần Thơ.

Địa chỉ tạm trú: Ấp Nhà Thờ, xã T A, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Bà Lâm Thị Mộng Th, sinh năm 1967; (có mặt)

Địa chỉ: Khóm 6, xã C L, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án ông Lê Văn Ph là nguyên đơn trình bày:**

Vào năm 1986 ông Ph có xác lập quan hệ hôn nhân với bà Lâm Thị Mộng Th và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân thị trấn C L (nay là xã C L, tỉnh Vĩnh Long) vào ngày 29/5/2000. Trong quá trình chung sống, ông Ph và bà Th có 02

người con chung tên Lê Khắc L, sinh 20/3/1986 và Lê Thị Minh Th, sinh ngày 13/9/1989.

Nguyên nhân mâu Thẫn: Vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có sự tôn trọng, yêu thương, giúp đỡ nhau, thường xuyên cự cãi dẫn đến xảy ra xô xát nên đến tháng 06 năm 2023 đã ly thân cho đến nay. Do mâu Thẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được nên ông Ph yêu cầu được ly hôn với bà Lâm Thị Mộng Th.

Về con chung: Do 02 con chung của ông Ph và bà Th đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Ông Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Ph khai vợ chồng ông không có nợ ai và không ai nợ vợ chồng ông nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bà Lâm Thị Mộng Th là bị đơn trình bày như sau:

Bà Th thống nhất về thời gian kết hôn và nguyên nhân mâu Thẫn như ông Ph trình bày là đúng. Qua yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông Ph, bà Th xác định vợ chồng hiện không có sự quan tâm, yêu thương, giúp đỡ nhau, luôn bất đồng ý kiến dẫn đến xô xát, cự cãi nhiều lần và hiện không còn chung sống với nhau. Tuy nhiên bà Th không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Bà Th và ông Ph có 02 con chung tên Lê Khắc L, sinh 20/3/1986 và Lê Thị Minh Th, sinh ngày 13/9/1989, do các con đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Th khai vợ chồng bà không có nợ ai và không ai nợ vợ chồng bà nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát:

Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng.

Đối với các đương sự đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, 35, 39, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 20015;

Áp dụng các Điều 19, 51, 53, 54, 56, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức Th, miễn, giảm, Th, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Ph.

Về hôn nhân: Ông Lê Văn Ph được ly hôn với bà Lâm Thị Mộng Th.

Về con chung: 02 con chung của bà Th và ông Ph đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Các đương sự chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Ông Lê Văn Ph yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Lâm Thị Mộng Th, ngoài ra không còn yêu cầu gì khác nên xét thấy đây là vụ án ly hôn Thộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Ông Lê Văn Ph và bà Lâm Thị Mộng Th xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn đúng theo quy định nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa, ông Ph vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bà Th, lý do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, không có sự tôn trọng, yêu thương, giúp đỡ nhau, đã ly thân từ tháng 6 năm 2023. Đối với bà Th thừa nhận vợ chồng không có sự quan tâm, yêu thương nhau, luôn bất đồng ý kiến dẫn đến xô xát, cự cãi nhiều lần và hiện không còn chung sống với nhau. Xét thấy qua lời khai của đương sự và các tài liệu, chứng cứ đương sự cung cấp đã thể hiện về tình trạng hôn nhân giữa ông Ph và bà Th có nhiều mâu thuẫn do không có sự quan tâm, yêu thương, giúp đỡ nhau, hiện ông Ph và bà Th không còn chung sống với nhau. Từ đó, xét thấy mâu thuẫn giữa ông Ph và bà Th đã xảy ra trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của ông Ph được ly hôn với bà Th.

[3] Về con chung: Ông Ph và bà Th có 02 người con chung tên Lê Khắc L, sinh 20/3/1986 và Lê Thị Minh Th, sinh ngày 13/9/1989, do các con của ông Ph và bà Th đã thành niên, đầy đủ sức khỏe nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Ông Ph và bà Th thống nhất không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Về nợ chung: Ông Ph và bà Th khai không có nợ ai và không ai nợ ông Ph, bà Th nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xét thấy cần buộc ông Lê Văn Ph phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Vĩnh Long tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 39, 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội khóa XV sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự,...;

Căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Ph.

Về hôn nhân: Ông Lê Văn Ph được ly hôn với bà Lâm Thị Mộng Th.

Về việc nuôi con: Do các con của ông Ph và bà Th đã thành niên, đầy đủ sức khỏe nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Ông Ph và bà Th thống nhất không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Về nợ chung: Ông Ph và bà Th khai không có nợ ai và không ai nợ ông Ph, bà Th nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Ông Lê Văn Ph phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng

án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000122 ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Ông Ph đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử theo trình tự phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Thận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 11 - Vĩnh Long
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã C L, tỉnh Vĩnh Long;
- Đường sự;
- Lưu HS,VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Tùng